

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8 - 2021

V/v: *Tranh chấp về Ly hôn và nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Bà Trần Thị Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2021/TLST - HNGĐ ngày 26/4/2021 về việc *Tranh chấp về Ly hôn và nuôi con.* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn , xã Th V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn , xã Th V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị L. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2021, bản tự khai ngày 17/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Ngọc T trình bày:

Anh và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/7/1998. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là kinh tế gia đình khó khăn, cuộc sống vợ chồng không hiểu nhau thiếu lòng tin, quan điểm sống khác biệt dẫn đến vợ chồng thường xuyên xúc phạm lẫn nhau, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị L

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị H, sinh ngày 20/11/1998 và cháu Lê Ngọc K, sinh ngày 10/02/2007; Ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc K, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu Lê Thị H đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 5 năm 2021 chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh Lê Ngọc T kết hôn với nhau ngày 27/7/1998 tại UBND xã Th V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống được hơn 10 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chị sống ly thân 01 năm nay. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị L xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị L cũng đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị H, sinh ngày 20/11/1998 và cháu Lê Ngọc K, sinh ngày 10/02/2007; Ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc K, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu Lê Thị H đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn chị Lê Thị L, về con chung anh T đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, do chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung nên anh sẽ không cấp dưỡng. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt chị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại bản tự khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: đề nghị xử cho anh Lê Ngọc T ly hôn với chị Lê Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lê Ngọc K, sinh ngày 10/02/2007 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không PH cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Lê Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị L, chị L có hộ khẩu và nơi cư trú tại: Thôn 4, xã Th V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều

39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Lê Thị L đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L.

[2]. Về hôn nhân: Anh Lê Ngọc T và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th V, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/7/1998 và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị L đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do điều kiện kinh tế khó khăn nên thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Anh T, chị L sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay không quan tâm gì đến nhau, như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh T đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh T được ly hôn chị L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị L đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị H Lê, sinh ngày 20/11/1998 và Lê Ngọc K, sinh ngày 10/02/2007; Đối với cháu Lê Thị H Lê đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lê Ngọc K, quá trình giải quyết vụ án anh T, chị L đều đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K, chị L và anh T đều không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa anh T cho rằng chị L muốn nuôi con nên anh đồng ý giao con chung là cháu Lê Ngọc K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của hai bên là chính đáng, tuy nhiên tại đơn đề nghị ngày 17/5/2021 cháu Lê Ngọc K có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, tại phiên tòa anh T cũng đồng ý giao cháu K cho chị L nuôi dưỡng. Vì vậy hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Lê Ngọc K cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ, song quá trình giải quyết vụ án chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung của chị L là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận sự tự nguyện của chị L là phù hợp.

[4]. Về tài sản và công nợ: Anh T, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 228; điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Lê Ngọc T ly hôn chị Lê Thị L

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lê Ngọc K, sinh ngày 10/02/2007 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không pH cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Lê Ngọc T pH chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007462 ngày 26/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. (Anh T đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người pH thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND huyện Thiệu Hóa,
- TAND tỉnh Thanh Hóa,
- Chi cục thi hành án dân sự Thiệu Hóa,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt